

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QNG
TỈNH QNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Duân

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình

Bà Đoàn Hoa Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố QNg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QNg tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QNg, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST – HNGĐ ngày 9/6/2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐST - HNGĐ ngày 17/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị TT, sinh năm 1985.

2. *Bị đơn:* Anh Lê thanh T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường Nghĩa Chánh, thành phố QNg, tỉnh QNg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 8/6/2017, bản tự khai ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa, chị Phạm Thị TT trình bày: Chị và anh Lê thanh T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Chánh, thành phố QNg.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu rồi về nhà tìm có gây gỗ đánh chị rất nhiều lần, chị đã nhờ hai bên gia đình khuyên giải để vợ, chồng hàn gắn tình cảm với nhau lo làm ăn và chăm sóc con, nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên giữa chị và anh T thường hay cãi vã với nhau, đến năm 2014 thì chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn thương yêu nhau nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên là: Lê Phạm Ánh Nh, sinh ngày 18/11/2008, hiện nay anh T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin nuôi

dưỡng cháu Lê Phạm Ánh Nh, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại văn bản ngày 18/7/2017 và ngày 20/8/2017, anh Lê thanh T trình bày: Anh và chị T sống với nhau hơn 10 năm, có một người con chung tên Lê Phạm Ánh Nh, năm 2015 chị T bỏ nhà đi, riêng anh không muốn ly hôn. Trường hợp chị T muốn ly hôn thì anh xin nhận nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Vì điều kiện anh làm ăn xa, nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố QNg phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị T chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; anh T không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại buổi làm việc ngày 27/7/2017, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/7/2017).

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị TT: Chị T được ly hôn anh Lê thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Ánh Nh, sinh ngày 18/11/2008 cho anh Lê thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị TT phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê thanh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị TT và anh Lê thanh T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Chánh, thành phố QNg là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu rồi về nhà tìm cơ gây gỗ đánh chị rất nhiều lần, chị đã nhờ hai bên gia đình khuyên giải để vợ, chồng hàn gắn tình cảm với nhau lo làm ăn và chăm sóc con, nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên giữa chị và anh T thường hay cãi vã với nhau, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung tên là: Lê Phạm Ánh Nh, sinh ngày 18/11/2008, hiện nay anh T đang nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu khi chị T và anh T ly hôn thì cháu muốn ở với anh T. Mặc khác, tại phiên họp tiếp cận, công khai giao nộp chứng cứ và tại phiên tòa chị T đồng ý theo nguyện vọng của cháu Như. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Phạm Ánh Nh, sinh ngày 18/11/2008 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị TT phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị TT đối với anh Lê thanh T.

2/ Về con chung: Giao cho anh Lê thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Phạm Ánh Nh, sinh ngày 18/11/2008;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê thanh T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị TT phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2014/0004753 ngày 9/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNg.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn